TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/DS-PT
Ngày: 20-02-2023
Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Văn Hiền

2. Bà Lê Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 599/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 332/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 1457/2023/QĐH ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 831/2023/QĐH ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị Kim L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số S,đường H, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Thanh S1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số M, đường Q, Phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 003006 ngày 15/3/2018) (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số B, đường C, phường T1, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình P2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số B1, đường L, phường P2, quận P3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 00001810 quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/02/2023 tại Văn phòng công chứng Đồng Tâm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2018, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim L do ông Đàm Thanh S1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 14/12/2016, giữa bà L và bà Nguyễn Thị Thúy A ký hợp đồng vay tiền số 035714, được Văn phòng công chứng Tân Phú chứng nhận ngày 14/12/2016. Bà L cho bà A vay số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng). Thời hạn vay 10 (mười) ngày kể từ ngày 14/12/2016. Có thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật, bà A không thế chấp tài sản gì. Bà Nguyễn Thị Thúy A có thanh toán cho bà L số tiền 8.600.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm triệu đồng), còn nợ lại 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) bà A chưa thanh toán. Hiện nay, đã quá thời hạn vay theo thỏa thuận nhưng bà A vẫn chưa trả số nợ còn lại cho bà L. Nay bà L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải hoàn trả cho bà L đủ số tiền còn nợ lại và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2022, cụ thể như sau:

- Nợ gốc còn lại: 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng).
- Tiền lãi (tạm tính từ ngày 14/3/2017 đến ngày 21/9/2022 là 1.400.000.000 đồng x 10% x 5 năm 06 tháng = 770.000.000 đồng.

Như vậy bà L yêu cầu bà A phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi (tạm tính đến ngày 21/9/2022) là 2.170.000.000 đồng.

Trong trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A có lời khai thể hiện:

Ngày 14/12/2016, bà A có ký hợp đồng vay tiền với bà L để vay số tiền 10.000.000.000 đồng, thời hạn trả là 10 ngày. Số tiền vay này đã được bà A hoàn trả lại cho bà L ngay sau khi được ngân hàng giải ngân cho bà theo hợp đồng tín dụng số 1607-LAV-201700232 ngày 10/3/2017. Theo hợp đồng tín dụng này, bà A dùng số tiền giải ngân để mua căn nhà số Số M1, đường B2, phường T1, quận P4 theo phương án vay đã nộp cho ngân hàng. Thực tế căn nhà nói trên là của bà L, bà L cùng với bà A ký hợp đồng mua bán căn nhà này với mục đích để sử dụng làm phương án vay ngân hàng. Sau khi giải ngân, toàn bộ số tiền 12.500.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của bà L. Ngày 13/3/2017, bà L và bà A đã ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đối với căn nhà số Số M1, đường B2, phường T1, quận P4 vì hợp đồng này là giả tạo để lập phương án vay tiền của ngân hàng. Do đó, số tiền vay bà A đã thanh toán cho bà L. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà A phải trả số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 26/9/2018 là 252.000.000 đồng. Thực tế, bà A hoàn toàn không nhận lại số tiền 12.500.000.000 đồng và cũng không đồng ý trả 1.400.000.000 đồng vì số tiền này bà A cũng hoàn toàn không nhận.

Ngoài ra, bà A còn trình bày thêm vào cuối năm 2017, bà Vũ Thị Kim L có đến nhà bà A đòi lại 1.000.000.000 đồng. Ngay lúc đó, bà A đã gọi điện cho bà N1 để hỏi về 1.000.000.000 đồng này. Cuộc điện thoại này được mở loa ngoài cho bà L nghe. Trong cuộc điện thoại bà N1 đã thừa nhận chính xác số tiền 1.028.000.000 đồng dưới sự lắng nghe của bà L. Theo bà A nhận biết, số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà L đòi bà A chính là số tiền mà bà L đưa lại cho

bà N1 vào chiều 13/3/2017 (Cộng Hòa Plaza) dưới sự chứng kiến của ông Lương Tuấn H1 (chồng bà N1) và do chính ông H1 cầm tiền. Do bà L không đòi được tiền bà N1, nên bà L khởi kiện bà A trả số tiền này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 332/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy A trả cho bà Vũ Thị Kim L tổng số tiền là 2.170.000.000 (hai tỷ một trăm bảy mươi triệu) đồng (trong đó nợ gốc là 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng, nợ lãi tính từ ngày 14/3/2017 đến ngày 21/9/2022 là 770.000.000 (bảy trăm bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/10/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim L có người đại diện theo ủy quyền là ông Đàm Thanh S1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đình P2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Vũ Thị Kim L có người đại diện theo ủy quyền là ông Đàm Thanh S1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đình P2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị Kim N1 và ông Lương Tuấn H1 vào tham gia tố tụng là thiếu sót, nhận định chủ quan, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà; Tại Tòa sơ thẩm bị đơn có cung cấp một đĩa CD là cuộc trao đổi giữa việc vay mượn tiền của bà A và bà N1. Sau khi được Ngân hàng giải ngân, bà A đã yêu cầu Ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản của bà L. Bà L yêu cầu bà A ký giấy nợ 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng và nay kiện đòi bà A là không hợp lý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

Đối với yêu cầu triệu tập bà Nguyễn Thị Kim N1 và ông Lương Tuấn H1 vào tham gia tố tụng. Tòa án cũng đã yêu cầu bà A cung cấp địa chỉ của bà N1 và ông H1, nhưng hai địa chỉ bà A cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác minh đều không có, nên không thể triệu tập bà N1 và ông H1 vào tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định: Ngày 14/12/2016 giữa bà L và bà A có ký hợp đồng vay 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng tại Văn phòng công chứng Tân Phú. Sau khi nhận đủ tiền bà A đã viết giấy ghi rõ tôi Nguyễn Thị Thúy A đã nhận đủ số tiền 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng. Trong quá trình vay, theo bà L cho biết thì bà A đã trả được 8.600.000.000 (Tám tỷ sáu trăm triệu) đồng, còn nợ lại 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng chưa trả. Bà A cho rằng đã trả hết số tiền vay cho bà L nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, kháng cáo của bà A là không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất theo hợp đồng ghi các bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1%/tháng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là có căn cứ.

Từ những phân tích trên nhận thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 14/12/2016, được ký tại Văn phòng công chứng Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Vũ Thị Kim L có cho bà Nguyễn Thị Thúy A vay số tiền 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng. Thời hạn vay là 10 ngày. Mục đích vay là để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng đối với căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 148 đường Trần Quang Cơ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại mặt sau của trang 1 hợp đồng bà A ghi đã nhận đủ 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng và ký ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Thúy A. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà A đã trả cho bà L được số tiền là 8.600.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 1.400.000.000 đồng. Bà A cho rằng bà đã thanh toán nợ vay cho bà L với số tiền là 12.500.000.000 đồng có bà N1 chứng kiến, nhưng lại không có giấy tờ gì chứng minh là bà L đã nhận đủ số tiền trên.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà A phải thanh toán số tiền là 2.170.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 1.400.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 14/3/2017 đến ngày xét xử 21/9/2022 là 770.000.000 đồng) là có căn cứ.

Xét, bản án sơ thẩm xử là có căn cứ, bà A đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà N1 và ông H1 vào tham gia tố tụng là thiếu sót, nhận định bản án chủ quan làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Tuy nhiên, theo địa chỉ bà A cung cấp, tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành xác minh và căn cứ vào kết quả trả lời của Công an phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 thì bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1976 có hộ khẩu tại 19/4 tầng 4 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 26/8/2015, nhưng không

thực tế cư trú tại địa phương, hiện tạm trú tại căn 817 chung cư M2 Lô A, đường L1 , phường M4, quận Bình Thạnh.

Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 13, quận Bình Thạnh, có nội dung bà Nguyễn Thị Kim N1 không đăng ký tạm trú tại căn 817 chung cư M2 Lô A, đường L1 , phường M4, quận Bình Thạnh nhưng có tạm trú tại căn 827 chung cư M2 Lô A, đường L1 , phường M4, quận Bình Thạnh.

Tuy nhiên hiện vắng mặt tại địa phương đi đâu không rõ.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ban hành thông báo cho bà Nguyễn Thị Thúy A về việc giao nộp, bổ sung chứng cứ về nơi cư trú của bà N1, trong thời hạn 30 ngày, kể từ nhận được thông báo phải cung cấp địa chỉ cư trú của bà Nguyễn Thị Kim N1 cùng tài liệu chứng cứ chứng minh bà đã trả cho bà L toàn bộ số tiền 10.000.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 14/12/2016. Tuy nhiên hết thời hạn bà A vẫn chưa cung cấp chứng cứ theo yêu cầu. Do đó, bà A kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy A;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 357, Điều 468; 470 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 6; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy A trả cho bà Vũ Thị Kim L tổng số tiền là 2.170.000.000 (hai tỷ một trăm bảy mươi triệu) đồng (trong đó nợ gốc là 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng, nợ lãi tính từ ngày 14/3/2017 đến ngày 21/9/2022 là 770.000.000 (bảy trăm bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu là 75.400.000 (bảy mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 29.520.000 (hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng cho bà Vũ Thị Kim L theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0010883 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0036556 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thảo